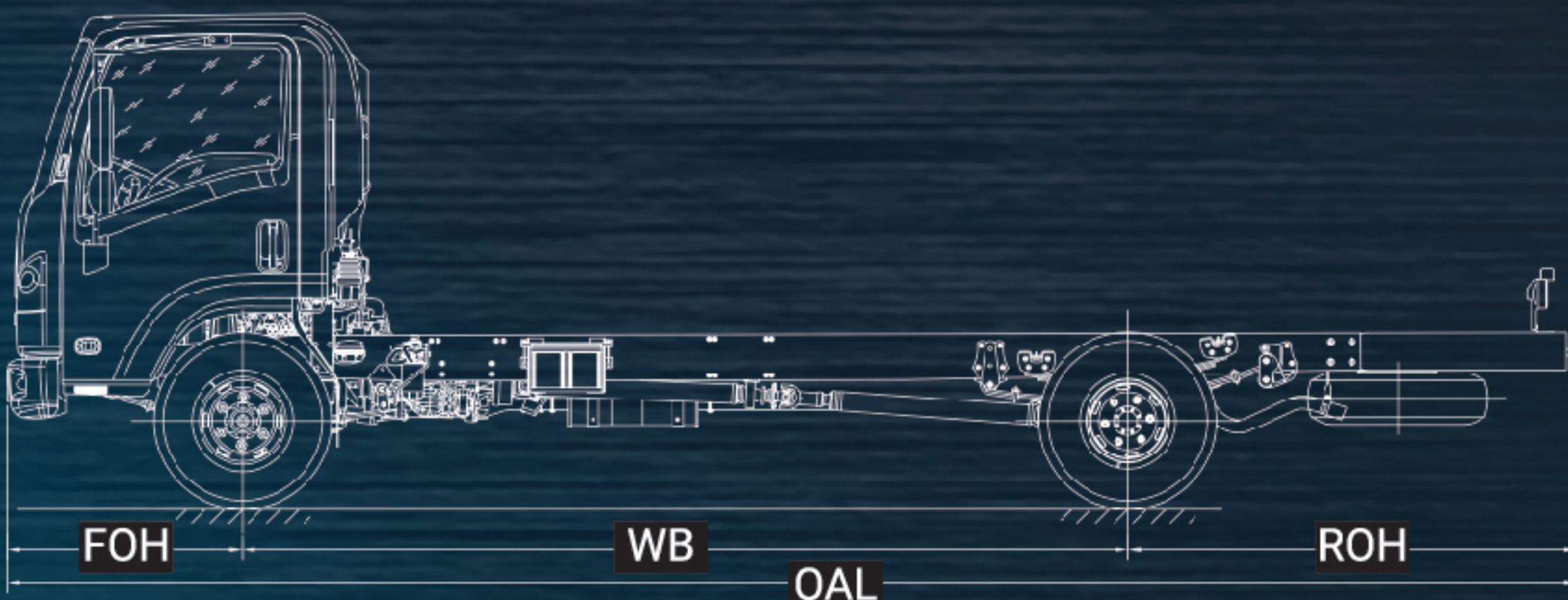
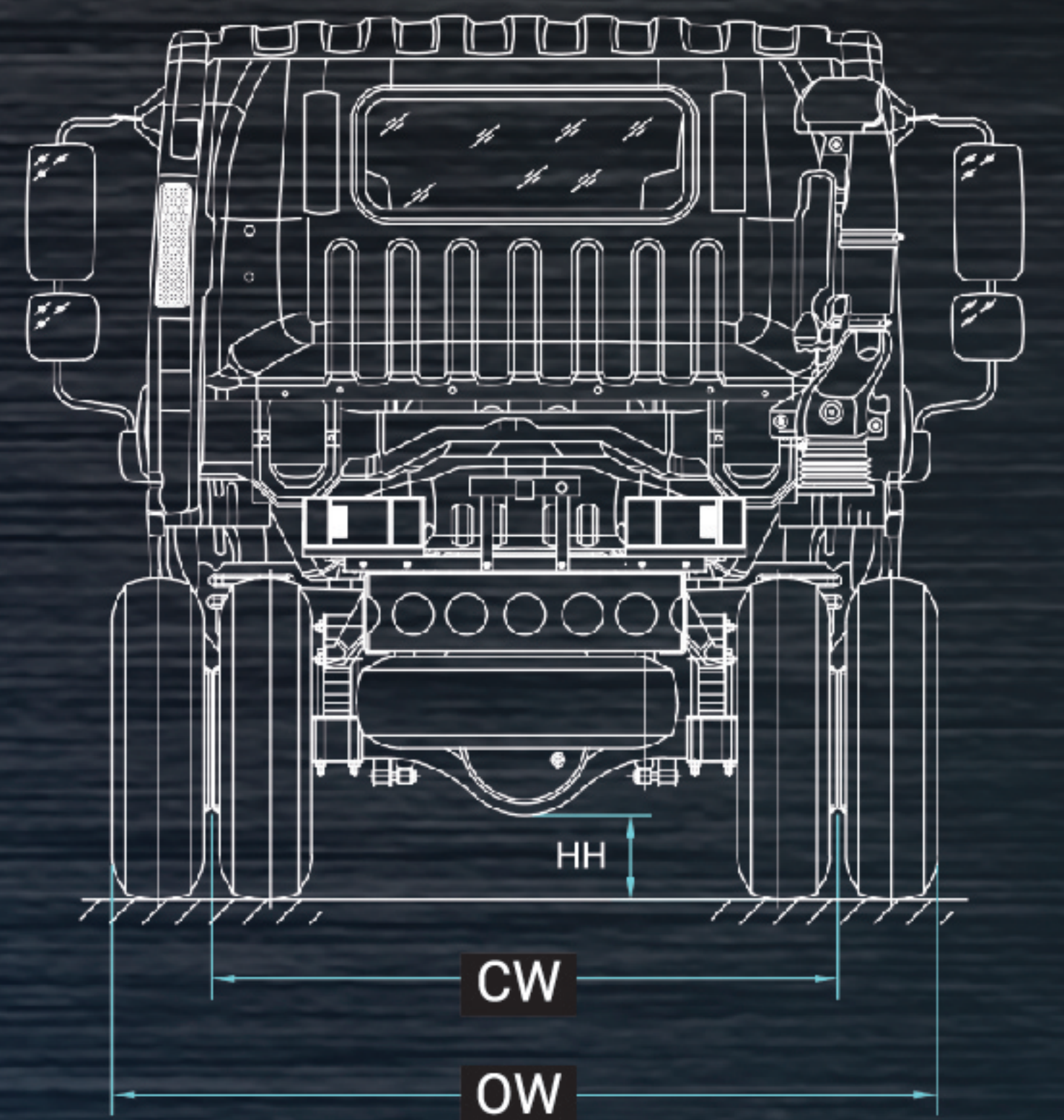


THÔNG SỐ KỸ THUẬT / SPECIFICATION		NPR85KE4A	NQR75HE4	NQR75LE4A	NQR75ME4A
KHỐI LƯỢNG / MASS					
Khối lượng toàn bộ / Gross vehicle mass	kg	7,500	9,500		
Khối lượng bản thân / Kerb mass	kg	2,390	2,700	2,710	2,730
Số chỗ ngồi / Number of seats	Người / Person	3			
Thùng nhiên liệu / Fuel tank	Lít / Liter	90			
KÍCH THƯỚC / DIMENSIONS					
Kích thước tổng thể DxRxC / Overall Dimension (OAL x OW x OH)	mm	6,770 x 2,050 x 2,300	6,025 x 2,170 x 2,370	7,405 x 2,170 x 2,370	7,865 x 2,170 x 2,370
Chiều dài cơ sở / Wheelbase	mm	3,845	3,365	4,175	4,475
Vết bánh xe trước - sau / Front - Rear tread	mm	1,680 / 1,525	1,680 / 1,650		
Khoảng sáng gầm xe / Ground clearance	mm	210	225		
Chiều dài đầu xe - đuôi xe / Front - rear overhang	mm	1,110 / 1,815	1,110 / 1,550	1,110 / 2,120	1,110 / 2,280
ĐỘNG CƠ & TRUYỀN ĐỘNG / ENGINE & TRANSMISSION					
Tên động cơ / Model		4JJ1E4NC	4HK1E4NC		
Loại động cơ / Type		Phun nhiên liệu điện tử, tăng áp - làm mát khí nạp Common rail, turbo - intercooler			
Tiêu chuẩn khí thải / Emission		EURO 4			
Dung tích xy lanh / Displacement	cc	2,999	5,193		
Đường kính và hành trình piston / Bore & stroke	mm	95,4 x 104,9	115 x 125		
Công suất cực đại / Max. power	Ps(kW) / rpm	124 (91) / 2,600	155 (114) / 2,600		
Momen xoắn cực đại / Max. torque	N.m(kgf.m) / rpm	354 (36) / 1,500	419 (43) / 1,600~2,600		
Hộp số / Transmission		MYY6S 6 số tiến & 1 số lùi 6 Forward & 1 Reverse			
Bộ trích công suất / PTO		-	Tiêu chuẩn / Standard	-	-
TÍNH NĂNG ĐỘNG HỌC / PERFORMANCE					
Tốc độ tối đa / Max speed	km/h	89	96	90	95
Khả năng vượt dốc tối đa / Gradeability	%	35	28	26	28
Bán kính quay vòng tối thiểu / Min turning radius	m	7,06	7,0	8,2	8,8
HỆ THỐNG CƠ BẢN / BASIC SYSTEMS					
Hệ thống lái / Steering system		Trục vít - ê cu bi trợ lực thủy lực Recirculating ball with hydraulic assisted			
Hệ thống treo trước - sau / Suspension system front - rear		Phụ thuộc, nhíp lá và giảm chấn thủy lực Dependent, leafspring, shock absorber			
Hệ thống phanh trước - sau / Brake system front - rear		Tang trống, phanh dầu mạch kép trợ lực chân không Drum, hydraulic with vacuum servo assistance, dual circuit			
Kích thước lốp trước - sau / Tire size front - rear		7.50-16 14PR	8.25-16 14PR		
Máy phát / Generator		24V-50A			
Ắc quy / Battery		12V-70AH x 2			



FORWARD N-SERIES



ISUZU
MASTER TRUCK

BLUEPOWER

ĐỈNH CAO CÔNG NGHỆ DIESEL SẠCH

FORWARD N-SERIES MASTER TRUCKS

ISUZU MASTER COMMON RAIL



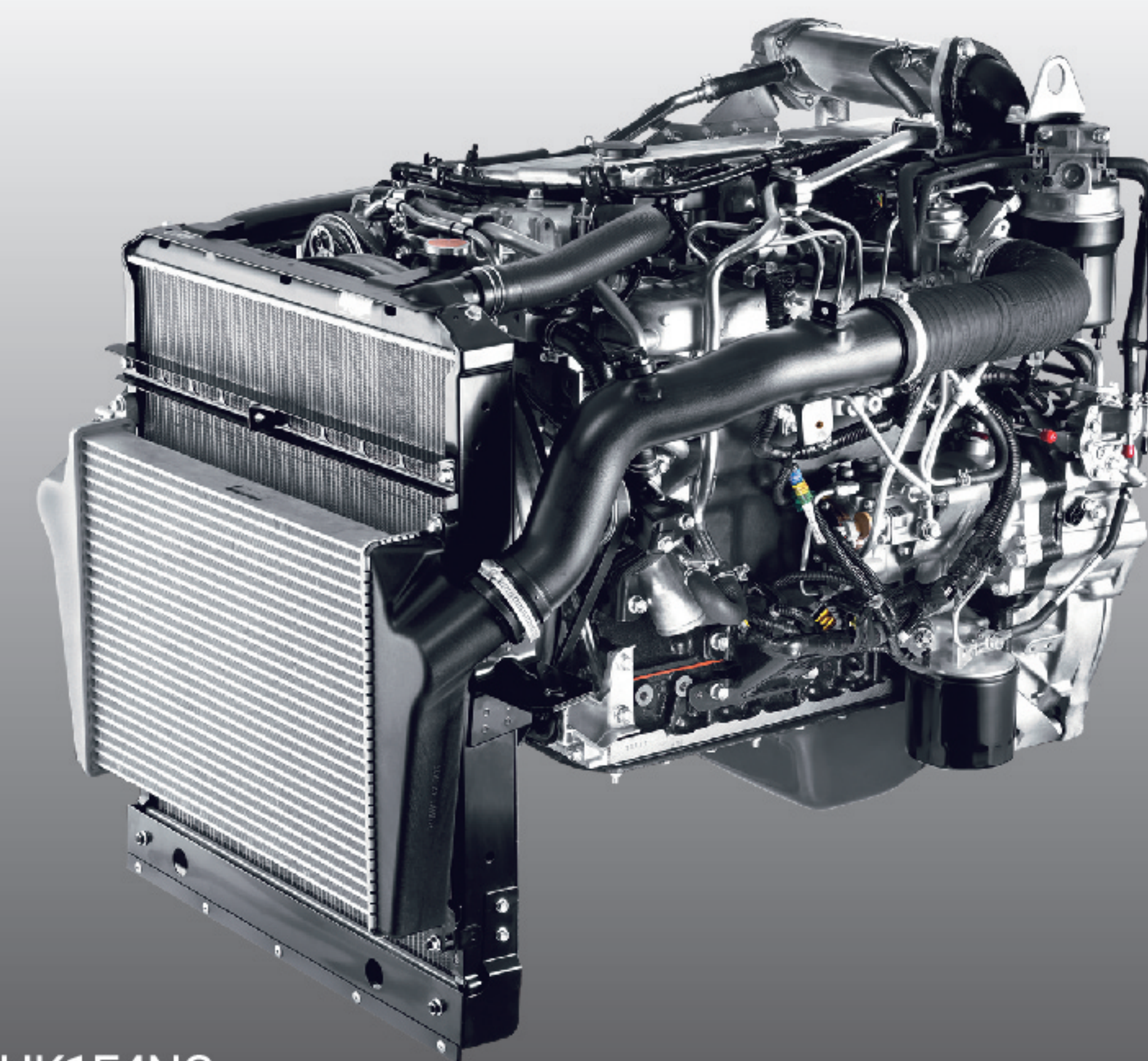
ĐỈNH CAO CÔNG NGHỆ DIESEL SẠCH

Kế thừa và nâng cấp bởi nền tảng công nghệ hiện đại, ISUZU FORWARD N-SERIES BLUE POWER là dòng xe tải nhẹ thế hệ mới đạt chuẩn EURO 4, sở hữu các ưu điểm vượt trội: Chất lượng – Bền bỉ – An toàn – Tiết kiệm. Đây là sự đầu tư tối ưu nhất cho mọi nhu cầu vận tải.

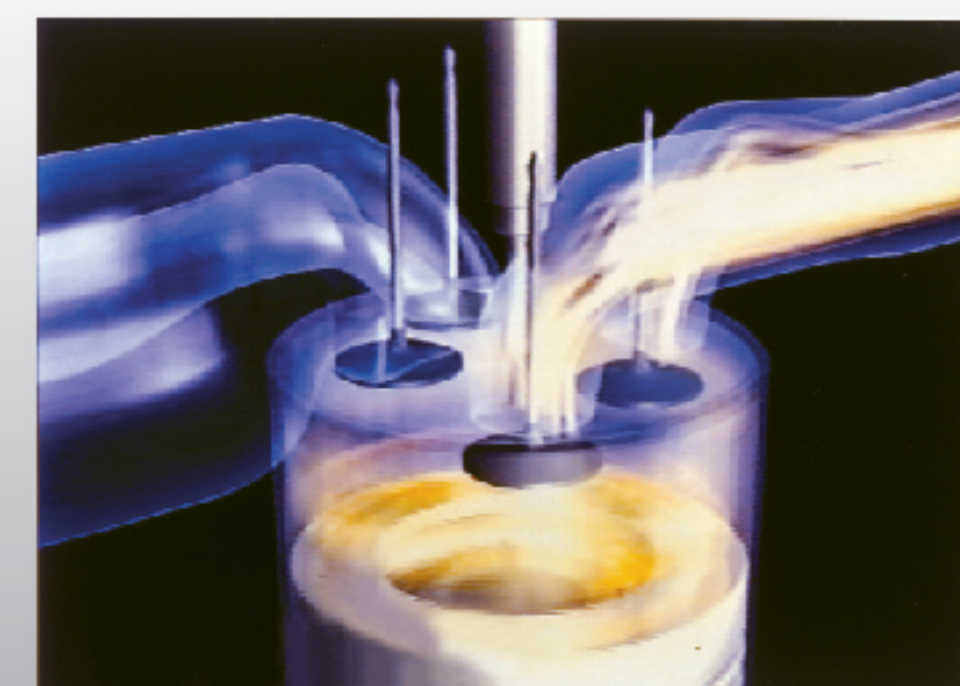
• TỐI ƯU CÔNG SUẤT • TIẾT KIỆM NHIÊN LIỆU • BỀN BỈ VƯỢT TRỘI • THÂN THIỆN MÔI TRƯỜNG

Inherited and upgraded by a newest technology, ISUZU FORWARD N-SERIES BLUE POWER is the light duty truck which is achieved EURO 4 Standard, it owns a lot of outstanding points as: Quality – Durability – Safety – Economy. This is a best solution for all transportation demand.

• MAXIMUM POWER • FUEL EFFICIENCY • BEST DURABILITY • ENVIRONMENTAL FRIENDLY



4HK1E4NC



Tối ưu công suất, tiết kiệm nhiên liệu
Optimal power & fuel saving



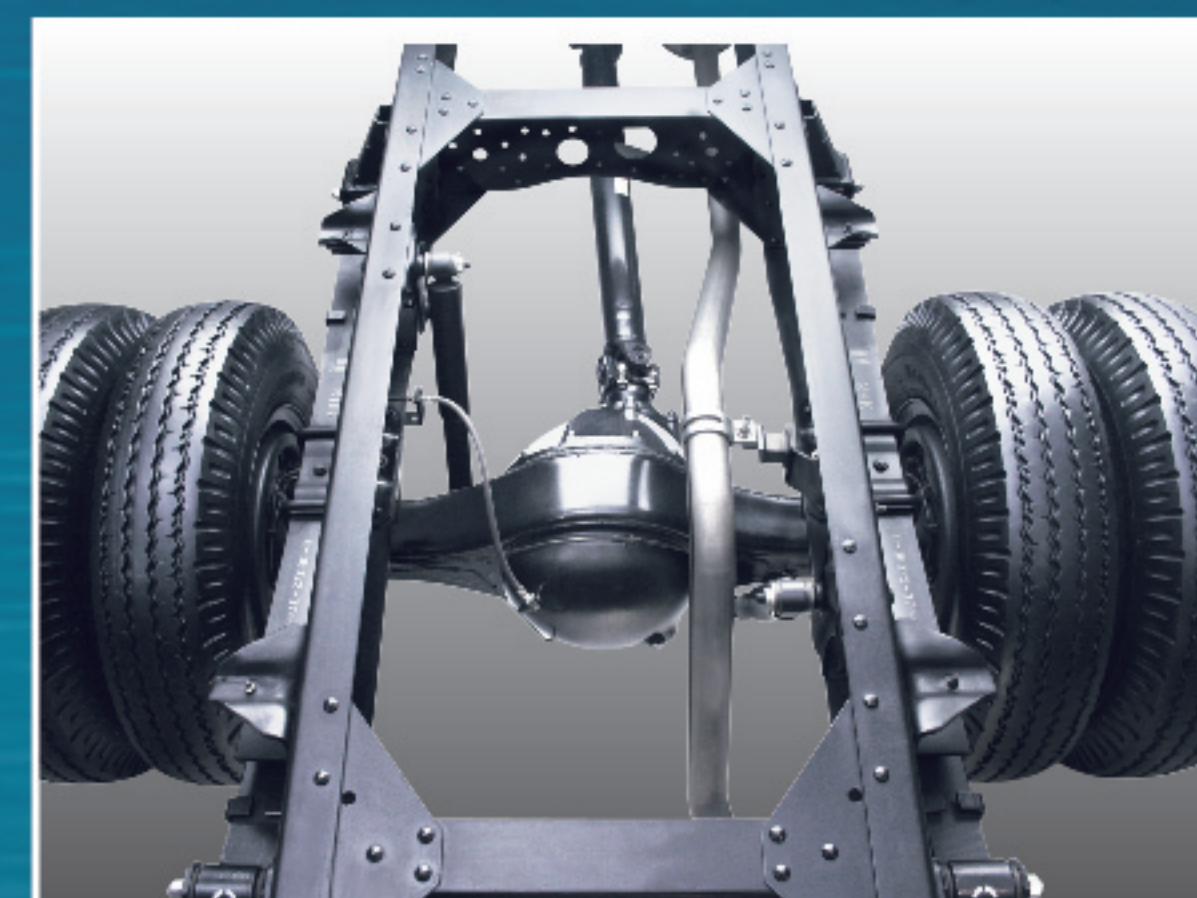
Hệ thống Common Rail áp suất cao
High-pressure Common Rail injectors



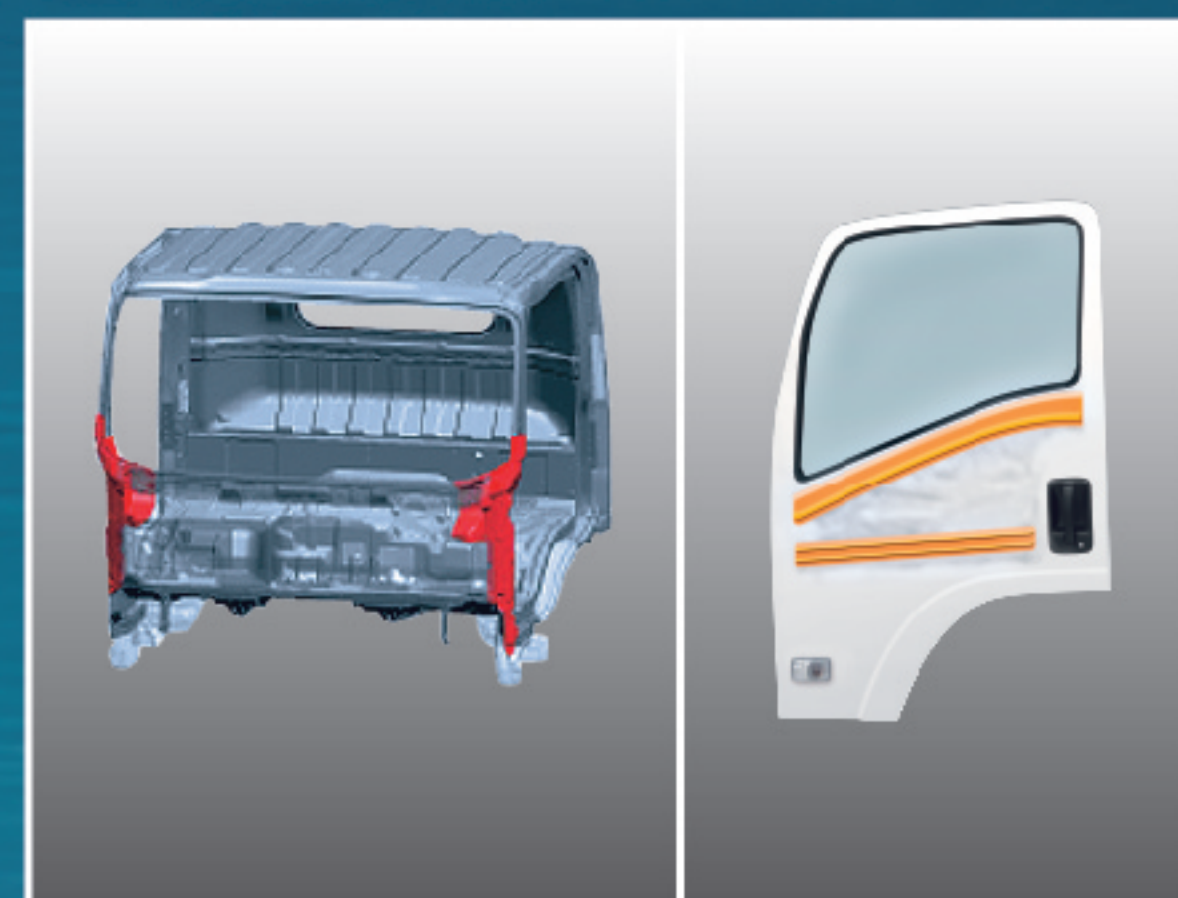
Nội thất với trang thiết bị tiện nghi
Comfortable convenient interior facilities



Kính chỉnh điện, khóa cửa trung tâm và các chức năng tiện nghi khác
Power window, Central door lock, and Comfort functions



Khung gầm cứng cáp
Sturdy Chassis



Cabin và cửa xe được gia cố vững chắc
Closed-section cabin & dual side door beams



Dây đai an toàn 3 điểm
3-point safety belts



Hệ thống phanh dầu an toàn
Safe hydraulic brake system

PHỤ KIỆN

- 02 tấm che nắng cho tài xế & phụ xế / 02 sunvisors driver & co-driver.
- Kính chỉnh điện & Khóa cửa trung tâm / Power window & Central door lock.
- Tay nắm cửa an toàn bên trong / Inside guard bar.
- Nút mời thuốc / Cigar lighter.
- Máy lạnh / Air conditioner (Tùy chọn / Option).
- CD-MP3, AM-FM radio.

- Dây an toàn 3 điểm / 3-point seat belts.
- Kèn báo lùi / Reversing warning buzzer.
- Hệ thống làm mát và sưởi Kính / Cooler and defroster.
- Màn hình 7" và camera lùi (Tùy chọn)
- Phanh khí xả / Exhaust brake (Model NMR77EE4 không có)

*Hình ảnh & thông số kỹ thuật có thể khác so với thực tế và có thể thay đổi mà không báo trước / Those specifications & equipment would be able to change without notice and may vary from actual ones.

BRON-20042023



ISUZU
★ BẢO HÀNH 3 NĂM ★
KHÔNG GIỚI HẠN SỐ KM